

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Từ năm 1998 đến năm 2011)

1/ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1998 ĐẾN 2003:

Đây là thời kỳ Tổng công ty mới được thành lập, tập trung hoàn thiện bộ máy, tập hợp lực lượng để ổn định tổ chức và tạo dựng thương hiệu trên thị trường.

Thời gian này, tuy số lượng đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty chưa nhiều, chỉ hơn chục đơn vị, nhưng 100% các đơn vị là Doanh nghiệp nhà nước, quy mô lớn, lực lượng CBCNV lên đến gần 2 vạn người. Đây cũng là thời gian thị trường xây dựng cơ bản trong nước đang rộng mở, nhiều công trình trọng điểm nhà nước được đồng loạt triển khai, từ đó mở ra cơ hội lớn về điều kiện thị trường cho Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Các công trình tiêu biểu Tổng công ty và các đơn vị tham gia trong giai đoạn này như: Đường dây siêu cao áp và trạm 500kV Nam - Bắc (mạch hai) gồm các cung đoạn: Yaly - Pleiku, Pleiku - Phú Lâm, Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm, Pleiku - Thường Tín, các công trình đường dây và trạm 220kV như Hoà Bình - Sóc Sơn, Phả Lại - Quảng Ninh, Hà Đông - Hoà Bình, Huế - Đà Nẵng - Đà Nẵng - Dung Quất, 220kV Huế - Hoà Khánh...

Các công trình xây dựng công nghiệp gồm có: Mở rộng giai đoạn 1 Nhà máy Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc giai đoạn 2; Tháp tạo hạt Nhà máy Đạm Phú Mỹ; Hệ thống điện công trình Hàm đường bộ qua đèo Hải Vân; Nhà máy LAS Hải Phòng, Nhà máy Đường Quảng Ngãi, Nhà máy Cao su Sao vàng, Nhà máy Cán thép Hòa Phát, Rada Sân bay Nội Bài, các công trình Xi măng Bỉm Sơn, Xi măng Tam Điệp...

Mặc dù là một trong số các Tổng công ty 90 được thành lập muộn nhất trong Bộ Công nghiệp, nhưng Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam hoạt động tương đối ổn định và hiệu quả, Tổng công ty luôn hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch Bộ giao, tốc độ tăng trưởng trung bình của Tổng công ty trong giai đoạn này đạt từ 10 - 15%/năm. Giá trị sản lượng toàn Tổng công ty tăng từ 1.860 tỷ đồng năm 1998 đến 4.686 tỷ đồng năm 2003, doanh thu tăng từ 1.485 tỷ đồng năm 1998 lên 4.063 tỷ đồng năm 2003. Đời sống của gần 2 vạn người lao động được đảm bảo, năm sau cao hơn năm trước bằng cả giá trị vật chất và đời sống tinh thần.

2/ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2003 ĐẾN 2008:

Giai đoạn năm 2003 - 2008 là thời kỳ có nhiều dấu ấn quan trọng của Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, chuyển đổi và cổ phần hóa doanh nghiệp, Tổng công ty đã mạnh dạn sắp xếp và cổ phần hóa toàn bộ các Công ty, đơn vị thành viên trong giai đoạn này và Tổng công ty đã được Bộ biểu dương là đơn vị tích cực hàng đầu trong công tác sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp. Hầu hết các đơn vị sau khi được chuyển đổi đều hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn, thực chất hơn, cơ cấu tổ chức bộ máy tinh giản và gọn nhẹ hơn, từ đó bộ máy của Tổng công ty cũng có sự điều chỉnh phù hợp.

Trong giai đoạn này, Tổng công ty và các đơn vị tham gia thi công nhiều công trình lớn, trọng điểm quốc gia của ngành, đáng kể như: Hoàn thành hệ thống đường dây và trạm 500kV Nam - Bắc mạch 2 cùng hàng trăm công trình đường dây và trạm 110, 220kV trải khắp chiều dài đất nước. Các công trình công nghiệp và dân dụng như: Đuôi hơi Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1-2 mở rộng, Nhà máy Nhiệt điện Na Dương, Nhà máy Kẽm điện phân 10.000 tấn/năm Thái Nguyên, Nhà máy Thủy lợi - Thủy điện Quảng Trị, các công trình Xi măng Tam Điệp, Xi măng Hải Phòng mới, Xi măng Lam Thạch, Xi măng Hạ Long, Xi măng Lạng Sơn, Công trình Cảng cá Hạ Long, Chung cư cao tầng tại 2F Quang Trung, Hà Nội, Trụ sở làm việc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trụ sở làm việc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Chung cư Ngân hàng Nông nghiệp Hà Nội, Giảng đường trường Đại học: Bách khoa, Giao thông Vận tải, Công nghiệp Hà Nội...

Đây là thời gian, Tổng công ty và các đơn vị sau khi tích lũy đủ kinh nghiệm và năng lực, đã mạnh dạn tham gia nhận thầu chính, nhận thầu EPC các công trình công nghiệp có quy mô vừa, nhất là các công trình có yêu cầu cao về kỹ thuật lắp máy, lắp điện, lắp ống và đo lường tự động hóa, điển hình như tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn, Thái Nguyên; Tổ hợp Dự án Đồng Sin Quyền, Lào Cai...

Thời điểm này, Tổng công ty không chỉ bắt đầu thực hiện việc quản lý, điều hành đơn thuần đối với các đơn vị thành viên, mà Tổng công ty đã bắt đầu trực tiếp tiến hành sản xuất kinh doanh, tham gia thi công trên nhiều công trình. Qua đó tự chủ được chi phí để hoạt động bộ máy quản lý và điều hành, đồng thời nâng cao được tính chủ động, giảm khâu trung gian, tăng tính hiệu quả trong quản lý điều hành các dự án lớn, tập trung của Tổng công ty.

Giai đoạn năm 2003 - 2008 cũng là những năm Tổng công ty tham gia rất tích cực và hiệu quả Chương trình chế tạo thiết bị cơ khí thủy công do Bộ Công nghiệp sau này là Bộ Công Thương chủ trì. Hàng vạn tấn thiết bị cơ khí thủy công lần đầu tiên được chế tạo ở trong nước do các Công ty cơ khí chuyên ngành thuộc Tổng công ty chế tạo đã được hoàn thành và bàn giao, lắp đặt, vận hành đảm bảo tiến độ và chất lượng tại các công trình Thủy điện vừa và lớn tại miền

Trung và Tây Nguyên như: Thủy điện Pleikrông, Thủy điện A Vương, Thủy điện Buôn Kuốp, Thủy điện Buôn Tua Srah, Thủy điện Sê San 4...

Đặc biệt, Dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên - công trình trọng điểm nhóm A đầu tiên do Tổng công ty làm Chủ đầu tư được triển khai thi công đồng bộ trong giai đoạn này. Đây là công trình lớn với giá trị đầu tư trên 3,500 tỷ đồng, việc quyết tâm thực hiện Dự án đã khẳng định chiến lược nâng cao dần tỷ trọng sản xuất công nghiệp trong cơ cấu sản phẩm của Tổng công ty.

Điều đáng ghi nhận là, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã lớn lên, trưởng thành lên rất nhiều khi hầu hết các gói thầu xây dựng, lắp đặt và chế tạo thiết bị của Dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên đều được thực hiện bởi các đơn vị nội bộ trong Tổng công ty, một dự án có tỷ lệ nội địa hóa cao nhất cả nước tính đến thời điểm này – trên 73%.

Về tốc độ tăng trưởng của Tổng công ty trong giai đoạn này, giá trị sản lượng năm 2008 đạt 3.663 tỷ đồng, doanh thu đạt 3.290 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 65,8 tỷ đồng, tuy có giảm so với năm 2003 do không tính giá trị của các đơn vị cổ phần không chi phối, nhưng về thực chất Tổng công ty và các đơn vị đi vào hoạt động với bộ máy tinh giản, gọn nhẹ hơn, tình hình tài chính minh bạch hơn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao hơn...

3/ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2008 ĐẾN 2011:

Giai đoạn 2008 đến 2011, Tổng công ty hoạt động trong môi trường kinh tế trong nước có nhiều biến động, khó khăn về thị trường, việc làm, nguồn tín dụng thắt chặt... Tổng công ty vừa phải tiếp tục tổ chức sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, đời sống người lao động, vừa phải hoàn thành công tác cổ phần hóa toàn Tổng công ty, đồng thời tiếp tục phát triển thị trường, cơ cấu lại hoạt động của các đơn vị theo hướng nâng cao hiệu quả.

Đây là giai đoạn Tổng công ty nhận thầu trọn gói, nhận thầu EPC và chìa khóa trao tay nhiều hạng mục công trình công nghiệp có quy mô lớn, đồng thời hoàn thành nhiều dự án trọng điểm, như: Nhà máy Tuyển bôxít Tân Rai, Lâm Đồng; Nhà máy Piaggio giai đoạn 2; Nhà máy Thực phẩm Á Châu; Nhà máy Samsung, Nhà máy Orion; Nhà máy Phong điện huyện đảo Lý Sơn; Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 1; Công trình Sân phân phối 500kV Vũng Áng; Nhà máy dược phẩm OPC Bình Dương; Công trình Toà nhà cảng Cái Mép, Cà Mau; Công trình Nhà máy sữa Đà Nẵng; Cảng hàng không quốc tế Sân bay Đà Nẵng; Trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ; Các giảng đường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Bách Khoa Hà Nội...

Các công trình đường dây và trạm điện, đáng kể có: Đường dây 500KV Long An - Nhà Bè; Đường dây 500KV Sơn La - Nhà Bè - Nho Quan; Đường dây 500KV Sông Mây - Tân Định; Đường dây 500KV Nhà Bè - Ô Môn; Đường dây 500KV

Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông; Trạm biến áp 500KV Quảng Ninh, Hiệp Hoà, Sơn La, Nhà Bè, Ô Môn cùng hàng trăm công trình đường dây và trạm điện khác từ vùng sâu vùng xa các tỉnh miền núi, đến đồng bằng, thành phố trên khắp mọi miền đất nước.

Công tác chế tạo thiết bị cơ khí thủy công vẫn tiếp tục được triển khai, các đơn vị chuyên ngành trong Tổng công ty đã hoàn thành hàng vạn tấn thiết bị cho các công trình: Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Chát, Thủy điện Srepok 3, Thủy điện A Lưới, Thủy điện Bản Vẽ...

Đặc biệt, ngoài việc tham gia các công trình có yêu cầu khắt khe về tiến độ và chất lượng của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, các công trình vốn FDI trong nước, Tổng công ty và một số đơn vị thành viên đã mạnh dạn tham gia đấu thầu quốc tế và đã trúng một số gói thầu công trình công nghiệp có quy mô vừa tại nước ngoài, như: Công trình Trung tâm mua sắm Aeon tại Thủ đô Phnompenh, Campuchia; Công trình cụm 15x2 Silo chứa lương thực tại Bangladesh, ngoài ra Tổng công ty đang tiếp cận một số dự án tại Kuwait và một số nước Trung Đông khác... Việc tham gia thi công các công trình tại nước ngoài, bước đầu có giá trị chưa lớn, chỉ vài chục triệu USD, nhưng điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh và thương hiệu của VINAINCON ra thị trường nước ngoài và làm tiền đề phát triển trong thời gian tới.

Đối với Dự án Nhà máy Xi măng Thái Nguyên, sau khi tổ chức khánh thành Nhà máy vào ngày 25 tháng 12 năm 2009, sản phẩm Xi măng mang thương hiệu Quang Sơn đã được thị trường đón nhận, Tổng công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Xi măng Quang Sơn để tổ chức quản lý và vận hành sản xuất kinh doanh. Đến nay, Xi măng Quang Sơn đã có mặt tại hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc, thị phần ngày một

tăng cao, chất lượng ổn định, giá thành cạnh tranh, hệ thống phân phối rộng khắp. Mặc dù gặp phải điều kiện khó khăn chung về thị trường, song năm 2013, dự kiến Công ty vẫn hoàn thành vượt kế hoạch với việc sản xuất và tiêu thụ đạt khoảng 900.000 tấn xi măng và 300.000 tấn clinker, tương đương 80% công suất thiết kế toàn Nhà máy, tổng doanh thu ước đạt trên 920 tỷ đồng.

Về công tác tổ chức, sau khi hoàn thành việc sắp xếp và chuyển đổi 100% các Công ty, đơn vị thành viên, Tổng công ty đã thực hiện công tác cổ phần hoá toàn Tổng công ty theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công Thương. Kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011, Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần, đây là một quyết tâm, nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Tổng công ty. Ngay sau khi đi vào hoạt động theo mô hình đa sở hữu, Tổng công ty đã nhanh chóng kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức, xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình để phù hợp với việc quản trị, quản lý và điều hành theo mô hình mới.

Đồng thời, Tổng công ty đã điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức, thay đổi lãnh đạo tại một số Công ty, đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, đến nay kết quả là hầu hết các đơn vị được kiện toàn đều từng bước vượt qua khó

khăn, hoạt động dần ổn định. Tổng công ty đã cơ cấu lại vốn đầu tư tại một số đơn vị đồng thời thành lập thêm một số Công ty mới để thực hiện việc chuyên sâu hoá một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời mở rộng phát triển thị trường và nâng cao thương hiệu Tổng công ty và các đơn vị.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra, quản trị nội bộ, quản lý theo hướng giảm các cấp trung gian, nhằm hạ giá thành, đảm bảo nâng cao hiệu quả trên từng hợp đồng, dự án, qua đó từng bước làm lành mạnh hoá tình hình tài chính tại Tổng công ty và các Công ty, đơn vị thành viên.

Có thể nói, đến thời điểm này Tổng công ty đã phát triển toàn diện tại các lĩnh vực chuyên sâu, ở đó VINAINCON đều thể hiện rõ nét năng lực, kinh nghiệm và uy tín của mình. Ngoài những lĩnh vực truyền thống là xây lắp, gia công và chế tạo kết cấu thép, sản xuất vật liệu xây dựng, thì giờ đây, Tổng công ty đã đảm nhận các lĩnh vực có tính chuyên môn cao, mang thương hiệu riêng của VINAINCON như tham gia công tác lắp máy, lắp điện, đo lường tự động hoá các công trình có sự phức tạp cao về công nghệ; Thi công các silô, tháp, ống khói bằng công nghệ trượt; Tham gia chế tạo các thiết bị cơ khí thủy công... Qua đó, một lần nữa khẳng định năng lực và kinh nghiệm của Tổng công ty trên vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu chìa khóa trao tay các hạng mục công trình điện, công trình công nghiệp và dân dụng quy mô vừa và lớn.